

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 14/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Châu Hà D, sinh năm 1972;

1.2. Bà Trần Thị Bé L, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: B khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Thành L1, sinh năm 1958, địa chỉ: 1 khu phố E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967; (Vắng mặt)

Địa chỉ: C khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3.1. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1966; (Vắng mặt)

Địa chỉ: C khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ông Bùi Quang T1, sinh năm 1968; (Xin vắng mặt)

3.3. Bà Hồ Thị Kim P, sinh năm 1969; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: C khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Thành L1 trình bày:

Vì là chỗ bạn bè nên ngày 17/02/2022 vợ chồng ông D, bà L có cho ông Phạm Văn T vay số tiền là 200.000.000 đồng, việc cho vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất. Ông T có ký tên vào biên nhận ngày 17/02/2022 với nội dung là có mượn của vợ chồng ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L số tiền là 200.000.000 đồng, các bên thỏa thuận khi bà Hồ Thị Kim P, ông Bùi Quang T1 trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị L2 (vợ ông T) thì ông T sẽ trả nợ cho ông D, bà L vì hiện tại bà L2 có cho vợ chồng bà P, ông T1 vay số tiền 300.000.000 đồng, ông T có đưa cho ông D, bà L bản chính giấy nợ về việc bà L2 cho bà P, ông T1 vay số tiền 300.000.000 đồng và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long) do ông Bùi Quang T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua tìm hiểu, phía nguyên đơn được biết bà P, ông T1 đã trả hết nợ cho bà L2 nên nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với ông T, bà L2 để yêu cầu trả nợ. Bà L2 có thương lượng với nguyên đơn cho trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, bà L2 có trả được 09 tháng với tổng số tiền là 45.000.000 đồng, sau đó bà L2, ông T không trả nợ cho nguyên đơn nữa.

Nay nguyên đơn ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số nợ còn lại là 155.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Hiện tại, nguyên đơn đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Quang T1 đứng tên. Nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận này cho ông T, bà L2 vì ông T là người đã giao cho nguyên đơn chứ nguyên đơn không có giao dịch với ông T1, bà P.

Ông Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T không đến Tòa án nên không có lời khai cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 08/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Bà L2 với ông Phạm Văn T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long) vào khoảng năm 1989. Bà L2 có biết ông Châu Hà D và bà Trần Thị Bé L vì ở gần nhà chứ không có mối quan hệ bà con, cũng không có mối quan hệ làm ăn gì. Việc ông Phạm Văn T là chồng của bà có vay tiền của ông D, bà L vào ngày 17/2/2022 thì bà L2 hoàn toàn không biết, bà L2 không có sử dụng nguồn tiền này, khi các bên thực hiện việc vay tiền thì ông T, ông D, bà L không có nói gì với bà L2 về số nợ này. Khoảng năm 2023, ông D, bà L nói với bà về việc ông T vay nợ và yêu cầu trả nợ nên hằng tháng bà L2 có lấy một nửa tiền cho thuê nhà của vợ chồng bà L2, ông T để đưa cho ông D, bà L trừ vào số nợ của ông T đã mượn, mỗi tháng bà đưa cho ông D, bà L 5.000.000 đồng, đưa được 09 tháng với tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Số tiền bà đưa cho nguyên đơn 45.000.000 đồng là tiền cho thuê căn nhà, mỗi tháng được 10.000.000 đồng nên bà lấy 5.000.000 đồng là tài sản của ông T để đưa cho nguyên đơn. Do hiện tại không ai thuê nhà nữa nên bà L2 không có tiền để đưa tiếp cho nguyên đơn. Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà L2 không đồng ý vì số nợ này là của cá nhân ông T vay chứ không có liên quan gì đến bà L2, bà L2 không có sử dụng số tiền này và cũng không có vay nợ của ông D, bà L.

Vào tháng 11/2021 bà L2 với ông Bùi Quang T1, bà Hồ Thị Kim P có thỏa thuận việc vay mượn tiền, ông T1, bà P nhờ bà L2 vay tiền của người khác để đưa ông T1, bà P vay lại số tiền 300.000.000 đồng và ông T1, bà P có đưa bà L2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16, tại phường P, tỉnh Vĩnh Long do ông Bùi Quang T1 đứng tên. Bà L2 khẳng định đến ngày 14/12/2021 ông T1, bà P đã trả lại cho bà L2 số tiền vay là 300.000.000 đồng, bà L2 đã đưa lại giấy chứng nhận này cho ông T1, bà P. Vụ việc vay nợ và đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà L2 và ông T1, bà P đã được giải quyết xong, không có liên quan gì trong vụ án này.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L2 để tham gia phiên tòa nhưng bà L2 vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang T1, bà Hồ Thị Kim P trình bày:

Trước đây, vợ chồng ông T1, bà P có vay của bà Nguyễn Thị L2 số tiền 300.000.000 đồng và hiện tại đã trả nợ xong. Khi vay tiền của bà L2 thì ông P, bà T1 có đưa cho bà L2 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long để làm niềm tin. Tuy nhiên sau khi trả nợ xong, ông bà quên nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Khoảng 02 năm trước, do cần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền thế chấp ngân hàng, ông T1, bà P đã báo với chính quyền địa phương

để làm thủ tục mất sổ và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới.

Đối với vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L với ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 thì không có liên quan gì đến ông bà. Ông bà đã làm lại được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đối với vụ án này ông bà không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do bận công việc, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang T1, bà Hồ Thị Kim P theo đúng quy định pháp luật, bị đơn ông Phạm Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 không chấp hành đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay là 155.000.000 đồng, ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 155.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Thành L1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Quang T1, bà Hồ Thị Kim P có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Phạm Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228; điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Phạm Văn T trả số tiền vay là 155.000.000 đồng.

Ông Châu Hà D, bà Nguyễn Thị L2 khởi kiện để yêu cầu ông Phạm Văn T trả số nợ là 155.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền (giấy biên nhận) ngày 17/02/2022; theo nội dung hợp đồng vay tiền thể hiện ông Phạm Văn T, số CMND 320642146 có mượn của vợ chồng ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L số tiền là 200.000.000 đồng, các bên thỏa thuận khi bà Hồ Thị Kim P, ông Bùi Quang T1 trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị L2 (vợ ông T) thì ông T sẽ trả nợ cho ông D, bà L vì hiện tại bà L2 có cho vợ chồng bà P, ông T1 vay 300.000.000 đồng. Theo lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị L2, ông Bùi Quang T1, bà Hồ Thị Kim P thì giữa bà L2, ông T1, bà P đã trả xong khoản nợ 300.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận vợ chồng ông T, bà L2 có trả được cho nguyên đơn tổng số tiền 45.000.000 đồng, hiện còn nợ 155.000.000 đồng. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nay nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền là 155.000.000 đồng.

Xét về hình thức của hợp đồng vay tiền (giấy biên nhận) ngày 17/02/2022 phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự, nội dung không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn T trả số tiền nợ là 155.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của bà Nguyễn Thị L2 đối với số tiền nợ vay.

Xét thấy, ông T và bà L2 có đăng ký kết hôn vào năm 1996 nên hôn nhân của ông T, bà L2 là hôn nhân hợp pháp, theo lời trình bày của bà L2 thể hiện vào năm 2023, khi ông D, bà L đến đòi nợ thì bà cũng có lấy tiền thuê nhà để đưa cho ông D, bà L mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả được 09 tháng, tổng cộng là 45.000.000 đồng. Điều này chứng tỏ bà L2 cũng đã biết và thừa nhận về số nợ này, đồng thời bà L2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc vợ chồng làm ăn riêng, có cuộc sống kinh tế riêng, do đó bà L2 phải có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả số nợ 155.000.000 đồng cho ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Nguyên đơn ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L đồng ý trả lại cho ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 749955 đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long.

Xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 749955 đối với thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại phường P, tỉnh Vĩnh Long không phải do ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 đứng tên mà do ông Bùi Quang T1 đứng tên; theo lời trình bày của ông T1, bà Hồ Thị Kim P (vợ ông T1) thì hiện tại ông bà đã được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nên không có yêu cầu gì. Mặt khác, tại Quyết định số 639/QĐ-STNMT ngày 17/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Bùi Quang T1, có số phát hành giấy chứng nhận BO 749955, số vào sổ cấp GCN: CH01835, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 06/7/2013, thửa đất số 07, tờ bản đồ số 16 tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Chi phí thu thập chứng cứ là 366.000 đồng, bị đơn ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 phải liên đới chịu. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí nên ông T, bà L2 có trách nhiệm hoàn lại số tiền này cho nguyên đơn.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông T, bà L2 phải có trách nhiệm liên đới chịu là 7.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L số tiền 155.000.000 (một trăm năm mươi lăm triệu) đồng, ghi nhận nguyên đơn ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L không yêu cầu tính lãi đối với số nợ trên.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng là 366.000 (ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 có trách nhiệm hoàn lại cho ông Châu Hà D, bà Trần Thị Bé L số tiền 366.000 (ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L2 phải liên đới chịu là 7.750.000 (bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (6b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi